



Đường sắt rộng 1
Đường sắt rộng 1m43
Đường sắt thông tim và 1m43
Đường ga, đường xe điện
Đường sắt đang làm hoặc báo xây
Đường hầm
Đường sắt và nhà ga
Đường rẽ trong ga
Đường đi tồ lớn
Đường quốc lộ. Tên đường. Tính chất rất mật
Liên tỉnh, tỉnh lộ. Tên đường. Tính chất rất mật
Đường đi tồ nhỏ rất mật. Độ rộng mặt đường

Dường 0 tô đang làm	
Dường đứt nhỏ	
Dường mòn	
Dường đắp cao, xê xù	
Đẽ 0 không đi được	
Biên giới nước. Cột mốc	
Địa giới tỉnh, thành phố	
Địa giới huyện, quận, thị xã	
Địa giới xã, thị trấn	
Các loại ranh giới khác	
Tường và công thành	
Các loại tường vữa	

GÓC ĐỘ	LY GIÁC	
	6000	6400
0°34'	0-09	0-10
0°06'	0-02	0-02
0°40'	0-11	0-12
0°37'	0-10	0-11
0°40'	0-11	0-12
1°17'	0-22	0-23

Tượng đài, bia Hàng
Nhà thờ, đình, chùa lớn
Nhà thờ, đình, chùa nhỏ
Trường học, Bệnh viện
Chợ, Lò cốt
Kho nhiên liệu, Đổ độc lập
Cây độc lập, Đám cây có ý nghĩa phương
Sân bay cấp 1, 2, 3, cấp 4
Hầm mỏ : Đàng khai thác; ngừng khai thác
Mỏ lộ thiên
Đổ đào : Đã điền tra; chưa kiểm tra
Trụ sở U. B. N. D. xây thị trấn, huyện; quận;

Dường dây điện cao thế

Dường ống dẫn nước, dầu, khí

Giếng nước. Nguồn nước

Ruộng muối

Khúc sông chảy ngầm

Mương đào

Mương có bờ đắp 2 bên, 1 bên

Sông hồ có nước quanh năm

Sông hồ có nước từng mùa

Dốc đứng liền bờ

Dốc đứng xa bờ

Hướng nước chảy

THƯỚC ĐỘ DỐC

Đề đo khoảng cao đều 20m

Đề đo khoảng cao đều 100m

Cầu thang độ dốc trên

Chu đường sắt và đường độ dốc chung

Nghĩa độ qua đường

Bến phà

Bến đò

Thác

Giành

Đập độ dốc qua đường

Đập độ dốc không qua đường

Ấu thủy văn

Cầu, cống

DẰNG DẤT

BẢNG CHẬP		
6532 III	6532 II	6632 III
6531 IV	6531 I	6631 IV
6531 III	6531 II	6631 III